

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU THÉP TRƯỜNG THÀNH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU THÉP TRƯỜNG THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THANH STEEL STRUCTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108397713

3. Ngày thành lập: 14/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 14 Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
2.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	2212
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Đúc kim loại màu (trừ vàng)	2432
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
10.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
11.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
12.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
13.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
14.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Xây dựng nhà các loại	4100
17.	Phá dỡ	4311

18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
23.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
24.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
27.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao	4649
29.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động nhà nước cấm)	4690
30.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
31.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
32.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
33.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
36.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (Trừ sản xuất vàng miếng)	2420
37.	Đúc sắt, thép	2431
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)	4652
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim	4663
40.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vải, len, sợi - Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu, đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu	4751
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, màu, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép, thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng	4759
44.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
55.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
56.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
57.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (trừ vàng miếng)	4662

59.	Sản xuất xe có động cơ	2910
60.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
61.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp, máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải	4659
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép	4669
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa	5229
66.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm).	8299
68.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
69.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÊU	Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.000	630.000.000	14,000	111647803	
			Tổng số	63.000	630.000.000	14,000		

2	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	382.500	3.825.000.000	85,000	001077003146	
			Tổng số	382.500	3.825.000.000	85,000		
3	LÊ THỊ VÂN	Thôn Đại Định, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	45.000.000	1,000	001157006519	
			Tổng số	4.500	45.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077003146

Ngày cấp: 30/10/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội